

ỨNG DỤNG MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC VÀO RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TẠI KHOA NGÔN NGỮ PHÁP, ĐẠI HỌC PHENIKAA

NGUYỄN THỊ THANH CHÀ
NGUYỄN THÚY YÊN
Đại học Phenikaa

Nhận bài ngày 08/12/2025. Sửa chữa xong 30/01/2026. Duyệt đăng 08/02/2026.

Abstract

This study examines the application of the flipped classroom model to develop self-study skills among students in the Faculty of French Language at Phenikaa University. Using a mixed-methods design, the authors surveyed 45 students via a questionnaire and analyzed the data using SPSS. The findings indicate that the model enhances students' initiative, planning ability, and interactive participation. However, limitations remain, including weak self-assessment skills and inadequate access to technological resources. The study proposes practical solutions to improve the effectiveness of implementing the model in higher education.

Keywords: *Flipped classroom, innovating teaching methods, foreign language students, self-study skills.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục đại học đang chuyển mình mạnh mẽ theo hướng lấy người học làm trung tâm và thích ứng với yêu cầu của thời đại số, việc hình thành và phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên (SV) trở thành một mục tiêu cấp thiết. Tự học không chỉ là phương tiện giúp người học tiếp cận tri thức một cách chủ động mà còn là nền tảng cho quá trình học tập suốt đời - một yêu cầu quan trọng trong thời đại công nghiệp 4.0. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều SV, đặc biệt ở các ngành ngoại ngữ vẫn gặp khó khăn trong việc rèn luyện kỹ năng này do còn phụ thuộc nhiều vào giảng viên (GV) và thiếu mô hình học tập phù hợp. Trong xu thế đổi mới phương pháp giảng dạy, mô hình lớp học đảo ngược (LHĐN - Flipped Classroom) đã được nghiên cứu và áp dụng như một giải pháp nhằm khuyến khích SV tự học trước khi đến lớp, từ đó tăng cường hoạt động tương tác và thực hành trong quá trình học. Mô hình này đã ghi nhận những kết quả tích cực ở một số trường đại học tại Việt Nam, nhất là trong các bối cảnh học trực tuyến hoặc học từ xa. Tuy vậy, nghiên cứu về tác động của mô hình này đến kỹ năng tự học vẫn còn hạn chế, đặc biệt trong các chuyên ngành ngoại ngữ như Ngôn ngữ Pháp - nơi yêu cầu về tự học cao nhưng lại ít được đầu tư hệ thống giảng dạy đổi mới. Xuất phát từ thực tế đó, nghiên cứu này lựa chọn Khoa Ngôn ngữ Pháp, Đại học Phenikaa làm đối tượng khảo sát nhằm đánh giá hiệu quả của mô hình LHĐN trong việc rèn luyện kỹ năng tự học cho SV. Mục tiêu của nghiên cứu không chỉ là xác định mức độ tác động mà còn nhằm đề xuất các giải pháp sư phạm khả thi để nâng cao hiệu quả giảng dạy ngoại ngữ trong bối cảnh giáo dục hiện đại, hướng tới việc nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển năng lực học tập độc lập cho người học.

2. Cơ sở lý luận và thực tiễn

2.1. Khái niệm và đặc điểm của kỹ năng tự học

Kỹ năng tự học được xem là một trong những năng lực cốt lõi giúp người học chủ động chiếm lĩnh tri thức và phát triển bản thân, đặc biệt có ý nghĩa trong môi trường giáo dục đại học, nơi người học

Email: cha.nguyenthithanh@phenikaa-uni.edu.vn

DOI: 10.64410/OJDM8226

phải tiếp cận khối lượng kiến thức lớn và đa dạng. Tự học không chỉ đơn thuần là hoạt động học tập bên ngoài lớp học mà còn là khả năng cá nhân biết xác định mục tiêu học tập, lựa chọn phương pháp phù hợp, sắp xếp thời gian, tổ chức quá trình học và tự điều chỉnh tiến độ để đạt kết quả tối ưu. Theo Barbara & Anderson (1998), kỹ năng tự học không chỉ gói gọn ở việc tiếp nhận tri thức một cách thụ động mà còn bao hàm khả năng phản tư, tự đánh giá và cải tiến cách học của bản thân. Các thành tố cơ bản của kỹ năng này bao gồm: xác định mục tiêu rõ ràng, lập kế hoạch khoa học, lựa chọn và vận dụng linh hoạt các phương pháp học tập, tiến hành tự kiểm tra, đánh giá kết quả và duy trì động lực học tập lâu dài [2, tr. 9]. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều SV vẫn gặp khó khăn trong việc hình thành và phát triển kỹ năng này bởi còn chịu ảnh hưởng nặng nề từ phương pháp dạy học truyền thống, quen với sự dẫn dắt của GV và thiếu định hướng trong việc tổ chức hoạt động tự học. Điều này dẫn đến hiệu quả học tập chưa cao, chưa phát huy được tính sáng tạo và năng lực tự chủ của người học. Do đó, cần có những mô hình sư phạm đổi mới và hiệu quả hơn nhằm hỗ trợ, khuyến khích SV rèn luyện kỹ năng tự học, trong đó mô hình LHDN được coi là một giải pháp phù hợp, góp phần thúc đẩy khả năng tự học và nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

2.2. Mô hình lớp học đảo ngược

2.2.1. Khái niệm và nguyên lý hoạt động

Mô hình LHDN (Flipped Classroom) là một phương pháp dạy học hiện đại dựa trên tư tưởng lấy người học làm trung tâm, trong đó quá trình tiếp nhận và xử lý kiến thức được “đảo ngược” so với cách học truyền thống. Thay vì GV trực tiếp truyền đạt toàn bộ lý thuyết trên lớp và SV về nhà làm bài tập, với mô hình này, SV sẽ chủ động tìm hiểu lý thuyết thông qua hệ thống học liệu số, video bài giảng, tài liệu đọc hoặc các kênh trực tuyến trước khi đến lớp. Nhờ đó, thời gian trên lớp được dành chủ yếu cho các hoạt động có tính tương tác cao như thảo luận, thực hành, giải quyết tình huống và vận dụng kiến thức vào thực tế [1, tr. 15].

Theo Nguyễn Chính (2016), mô hình LHDN vận hành qua ba giai đoạn chính: 1) Giai đoạn trước lớp học, SV tiếp cận và tự học các nội dung lý thuyết đã được GV thiết kế và cung cấp qua môi trường số; 2) Trong giai đoạn trên lớp, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ, khuyến khích SV tham gia các hoạt động thảo luận nhóm, trình bày ý kiến và giải quyết vấn đề học tập; 3) Sau lớp học, SV tiến hành củng cố kiến thức thông qua việc tự đánh giá, hoàn thành các bài tập mở rộng, đồng thời phản tư lại quá trình học để rút ra kinh nghiệm cho bản thân [6, tr. 10].

2.2.2. Các yếu tố đảm bảo hiệu quả triển khai lớp học đảo ngược

Hiệu quả của mô hình LHDN phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có thể kể đến như:

- *Chất lượng tài nguyên học tập*: Tài liệu, video, bài giảng cần được thiết kế phù hợp với trình độ người học, có tính thực quan, dễ hiểu, và mang tính khái quát cao. Theo Hoàng Minh Hằng (2021), học liệu kỹ thuật số phải đảm bảo tính sư phạm và dễ truy cập [5, tr. 6].

- *Năng lực công nghệ của GV và SV*: Việc triển khai thành công mô hình LHDN đòi hỏi cả GV và SV có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ phục vụ học tập như LMS, Zoom, Google Classroom, Padlet...

- *Môi trường học tập hỗ trợ*: Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường cần được đầu tư đầy đủ, có sự hỗ trợ kỹ thuật kịp thời. Đồng thời, không khí học thuật tích cực cũng là yếu tố không thể thiếu để SV tự tin tham gia vào các hoạt động trên lớp.

- *Phương pháp tổ chức lớp học*: GV cần chuyển vai trò từ “người dạy” sang “người hướng dẫn”, thiết kế các hoạt động tương tác có tính chất mở, tạo cơ hội cho SV thảo luận, trình bày và phản biện.

2.3. Mối quan hệ giữa mô hình lớp học đảo ngược và sự phát triển kỹ năng tự học của sinh viên

Trên lớp, mô hình đảo ngược tái cấu trúc hoạt động học theo hướng tăng cường tương tác, thảo luận và thực hành. Thay vì tiếp thu kiến thức một chiều, SV trở thành người kiến tạo tri thức thông qua làm việc nhóm, phản biện và giải quyết tình huống. Những hoạt động này giúp phát triển tư duy phản biện, khả năng hợp tác và tự điều chỉnh hành vi học tập - các kỹ năng then chốt của năng lực tự học.

Bên cạnh đó, mô hình còn thúc đẩy động lực nội tại khi trao cho người học quyền kiểm soát tiến trình học. SV có thể lựa chọn cách thức, thời điểm học phù hợp với bản thân, từ đó phát triển tinh thần trách nhiệm cá nhân và khả năng định hướng học tập lâu dài. Môi trường học tập linh hoạt mà mô hình mang lại cũng tạo điều kiện để SV khám phá phong cách học tập riêng, nâng cao tính chủ động và sáng tạo. Tuy nhiên, để phát huy tối đa mối liên hệ tích cực giữa LHĐN và kỹ năng tự học cần đảm bảo các điều kiện hỗ trợ như học liệu chất lượng, năng lực công nghệ của người học và vai trò định hướng từ GV. GV cần là người tổ chức, hướng dẫn và phản hồi kịp thời để giúp SV tự điều chỉnh quá trình học.

Nhìn chung, LHĐN không chỉ là một phương pháp đổi mới mà còn là môi trường lý tưởng để hình thành và phát triển kỹ năng tự học. Mối quan hệ giữa mô hình và kỹ năng này mang tính tương hỗ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực học tập độc lập cho SV trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo mô hình kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng (mixed-methods).

3.2. Khung lý thuyết

Khung lý thuyết của nghiên cứu dựa trên mô hình (Flipped Classroom) của Baker (2000) và Barbara & Anderson (1998) đề xuất, bao gồm: nhận thức mục tiêu học tập, khả năng lập kế hoạch học tập, lựa chọn phương pháp học phù hợp, năng lực tự đánh giá, điều chỉnh và duy trì động lực học tập.

3.3. Câu hỏi nghiên cứu

Thực trạng kỹ năng tự học của SV Khoa Ngôn ngữ Pháp hiện nay như thế nào?

SV đã tiếp cận và hiểu biết mô hình LHĐN ở mức độ nào?

Việc ứng dụng mô hình LHĐN có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kỹ năng tự học của SV?

Những thuận lợi và khó khăn mà SV gặp phải khi học theo mô hình LHĐN là gì?

3.4. Phương pháp thu thập dữ liệu

Phương pháp định tính kết hợp định lượng.

3.5. Đối tượng, thời gian nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: 45 SV hai lớp N1 khóa 2023-2027 (K17) và lớp N2 khóa 2023-2027 (K17) Khoa Ngôn ngữ Pháp, Đại học Phenikaa.

- Thời gian nghiên cứu: Tiến hành khảo sát từ tháng 01/2025 đến tháng 4/2025.

3.6. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu từ bảng hỏi được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng kỹ năng tự học của sinh viên Khoa Ngôn ngữ Pháp trước khi áp dụng mô hình lớp học đảo ngược

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Pháp gồm 130 tín chỉ, kết hợp giữa kiến thức ngôn ngữ, văn hóa và kỹ năng nghề nghiệp. Dù có lồng ghép một số hình thức học nhóm, thảo luận nhưng phương pháp giảng dạy chủ yếu vẫn theo hướng truyền thống, lấy GV làm trung tâm. Theo các tài liệu nội bộ của khoa, thời lượng tự học chiếm khoảng 30-40% khối lượng học tập, nhưng hoạt động này phần lớn thiếu hướng dẫn cụ thể. GV thường chỉ yêu cầu đọc tài liệu hoặc làm bài tập về nhà mà không định hướng rõ ràng về mục tiêu và phương pháp thực hiện. Kết quả học tập ở các học phần yêu cầu cao về tự học như kỹ năng đọc, dịch thuật, thuyết trình cho thấy sự chênh lệch rõ rệt. Tỷ lệ SV đạt từ khá trở lên chỉ dao động từ 55%-65%, trong khi có tới 25% đạt mức trung bình hoặc thấp. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc SV thiếu kỹ năng tổ chức thời gian, phân tích, tổng hợp thông tin và tự điều chỉnh quá trình học - những yếu tố then chốt của kỹ năng tự học [3, tr. 11].

Dù nhà trường đã ban hành các chính sách khuyến khích đổi mới phương pháp dạy học và có tổ chức một số hoạt động như hội thảo, tập huấn, giảng dạy trực tuyến nhưng việc áp dụng các mô hình sư phạm mới vẫn còn rời rạc. Đặc biệt, mô hình LHĐN chưa được tích hợp một cách hệ thống trong chương trình đào tạo. Như vậy, có thể thấy kỹ năng tự học của SV Khoa Ngôn ngữ Pháp còn chưa được phát huy hiệu quả. Trong bối cảnh giáo dục đang chuyển dịch mạnh mẽ sang hướng học tập tích cực và công nghệ số, việc nghiên cứu và ứng dụng mô hình LHĐN là cần thiết để nâng cao vai trò chủ động của người học và cải thiện chất lượng đào tạo.

4.2. Kết quả khảo sát về tác động của mô hình lớp học đảo ngược đến kỹ năng tự học của sinh viên

4.2.1. Mức độ chủ động học tập của sinh viên sau khi tham gia lớp học đảo ngược

Qua nghiên cứu cho ta số liệu ở bảng 1.

Bảng 1: Mức độ chủ động học tập của SV sau khi tham gia LHĐN

TT	Nội dung	Mức độ kết quả								ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Chủ động tìm hiểu, ghi chú và xử lý nội dung tài liệu học tập trước mỗi buổi học trên lớp.	0	0	4	8.9	22	48.9	19	42.2	3.33	0.640
2	Thiết lập kế hoạch học tập cụ thể theo từng tuần hoặc học phần, bám sát mục tiêu học tập cá nhân.	0	0	3	6.7	24	53.3	18	40.0	3.33	0.603
3	Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận nhóm, trình bày ý kiến và đặt câu hỏi trong quá trình học trên lớp.	0	0	2	4.4	23	51.1	20	44.4	3.40	0.580
4	Thường xuyên thực hiện việc tự đánh giá kết quả học tập, điều chỉnh cách học để nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức.	0	0	7	15.6	20	44.4	18	40.0	3.24	0.712

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả (tháng 8/2025)

Qua bảng 1 cho thấy, mức độ chủ động học tập của SV sau khi tham gia LHĐN đạt kết quả tương đối cao, với điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 3.24 đến 3.40. Tiêu chí có ĐTB cao nhất là “Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận nhóm, trình bày ý kiến và đặt câu hỏi trong quá trình học trên lớp” (3.40), trong đó 95.5% SV chọn mức “đồng ý” hoặc “hoàn toàn đồng ý” phản ánh rõ tác động tích cực của mô hình LHĐN trong việc thúc đẩy tương tác, học tập tích cực và hợp tác nhóm - những thành tố thiết yếu trong môi trường đào tạo ngôn ngữ. Hai tiêu chí “Chủ động tìm hiểu, ghi chú và xử lý tài liệu trước mỗi buổi học” và “Thiết lập kế hoạch học tập cụ thể theo từng tuần hoặc học phần” đều đạt ĐTB 3.33, với trên 90% SV thể hiện sự đồng thuận tích cực. Kết quả này cho thấy SV đã có sự chuẩn bị tốt trước khi đến lớp và biết cách tổ chức tiến trình học cá nhân - những biểu hiện đặc trưng của năng lực tự học. Tuy nhiên, tiêu chí “Thường xuyên thực hiện việc tự đánh giá kết quả học tập, điều chỉnh cách học” có ĐTB thấp nhất (3.24) và tỷ lệ không đồng ý lên tới 15.6%. Điều này cho thấy kỹ năng phản tư và tự điều chỉnh còn là điểm yếu cần được củng cố thêm trong chương trình đào tạo.

Như vậy, dữ liệu cho thấy mô hình LHĐN bước đầu đã tạo môi trường thuận lợi để SV nâng cao tinh thần tự học nhưng vẫn cần tiếp tục hỗ trợ SV phát triển kỹ năng tự đánh giá - yếu tố cốt lõi để hình thành năng lực học tập độc lập và bền vững.

4.2.2. Hiểu biết và thái độ đối với lớp học đảo ngược

Qua nghiên cứu cho ta số liệu ở bảng 2.

Bảng 2: Hiểu biết và thái độ đối với LHĐN

TT	Nội dung	Mức độ kết quả								ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Hiểu rõ khái niệm, đặc điểm và nguyên lý hoạt động của mô hình LHĐN.	0	0	3	6.7	24	53.3	18	40.0	3.33	0.603
2	Nhận thức được vai trò tích cực và chủ động của người học trong LHĐN.	0	0	3	6.7	23	51.1	19	42.2	3.36	0.609
3	Tin tưởng vào hiệu quả của LHĐN trong việc nâng cao kỹ năng tự học.	0	0	2	4.4	21	46.7	22	48.9	3.44	0.586
4	Sẵn sàng tham gia và áp dụng LHĐN trong các học phần chuyên ngành.	0	0	1	2.2	15	33.3	29	64.4	3.62	0.535

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả (tháng 8/2025)

Qua bảng 2 có thể thấy, SV thể hiện nhận thức khá đầy đủ và thái độ tích cực đối với mô hình LHĐN, với ĐTB các tiêu chí dao động từ 3.33 đến 3.62. Tiêu chí đạt điểm cao nhất là “Sẵn sàng tham gia và áp dụng LHĐN trong các học phần chuyên ngành” (ĐTB 3.62), với 97.7% SV lựa chọn “đồng ý” hoặc “hoàn toàn đồng ý” cho thấy mức độ chấp nhận cao và tinh thần sẵn sàng đổi mới trong học tập của SV, tạo tiền đề thuận lợi cho việc triển khai mô hình trong thực tế đào tạo chuyên ngành. Tiêu chí “Tin tưởng vào hiệu quả của LHĐN trong việc nâng cao kỹ năng tự học” cũng đạt mức cao (3.44), phản ánh sự đánh giá tích cực từ phía người học sau khi trải nghiệm thực tiễn. Hai tiêu chí còn lại - “Hiểu rõ khái niệm, đặc điểm và nguyên lý hoạt động” và “Nhận thức được vai trò tích cực của người học” có ĐTB lần lượt là 3.33 và 3.36. Mặc dù đa số SV lựa chọn mức đồng ý, vẫn có khoảng 6.7% chưa hiểu rõ về mô hình, cho thấy vẫn tồn tại một bộ phận người học cần được hướng dẫn kỹ hơn ở giai đoạn đầu.

Nhìn chung, kết quả bảng 2 cho thấy mô hình LHĐN đã được tiếp nhận tích cực cả về mặt nhận thức và thái độ. Tuy nhiên, để tối ưu hiệu quả triển khai, nhà trường và GV cần có chiến lược truyền thông, hướng dẫn rõ ràng nhằm đồng đều hóa hiểu biết của SV về mô hình ngay từ đầu khóa học.

4.2.3. Những thuận lợi và khó khăn khi học theo mô hình lớp học đảo ngược

Qua nghiên cứu cho ta số liệu ở bảng 3.

Bảng 3: Thuận lợi và khó khăn khi học theo mô hình LHĐN

TT	Nội dung	Mức độ kết quả								ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Dễ dàng tiếp cận nội dung bài học trước qua video, tài liệu số và hệ thống học trực tuyến.	0	0	2	4.4	18	40.0	25	55.6	3.51	0.589
2	Có nhiều cơ hội trao đổi, tương tác và hợp tác với GV, bạn học trong giờ học.	0	0	1	2.2	23	51.1	21	46.7	3.44	0.546
3	Gặp khó khăn khi quản lý thời gian học trước lớp do lịch học dày hoặc thiếu động lực.	2	4.4	7	15.6	19	42.2	17	37.8	3.13	0.842
4	Thiếu thiết bị công nghệ hoặc đường truyền ổn định để tự học ngoài lớp học.	8	17.8	10	22.2	13	28.9	14	31.1	2.73	1.095

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả (tháng 8/2025)

Bảng 3 phản ánh tương đối đầy đủ về những thuận lợi và khó khăn mà SV gặp phải khi học theo mô hình LHĐN. Trong đó, hai nội dung thuộc nhóm thuận lợi đều có điểm trung bình cao. Cụ thể, “Dễ dàng tiếp cận nội dung bài học trước qua video, tài liệu số và hệ thống học trực tuyến” đạt ĐTB cao nhất là

3.51, với 95,6% SV đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý cho thấy hệ thống học liệu số và nền tảng công nghệ hiện tại đã hỗ trợ tích cực cho quá trình tự học trước lớp. Ở chiều ngược lại, nội dung “Gặp khó khăn khi quản lý thời gian học trước lớp” có ĐTB 3.13, với hơn 80% SV thừa nhận gặp trở ngại. Đặc biệt, “Thiếu thiết bị công nghệ hoặc đường truyền ổn định” có ĐTB thấp nhất (2.73) nhưng tỷ lệ SV đồng tình vẫn lên tới 60% cho thấy rào cản về hạ tầng công nghệ vẫn là một thách thức thực tiễn, đặc biệt đối với những SV có điều kiện kinh tế hạn chế.

Mô hình LHĐN cho thấy nhiều thuận lợi về học liệu và tính tương tác nhưng đồng thời cũng bộc lộ rõ những khó khăn cần khắc phục, nhất là về kỹ năng quản lý thời gian và điều kiện hạ tầng công nghệ.

5. Kết luận

Nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn về hiệu quả của mô hình LHĐN trong việc phát triển kỹ năng tự học cho SV ngành Ngoại ngữ.

Về lý luận, nghiên cứu đã làm rõ các khái niệm, thành tố của kỹ năng tự học cũng như nguyên lý hoạt động của mô hình LHĐN. Mối quan hệ giữa hai yếu tố này thể hiện rõ tính tương hỗ: mô hình tạo môi trường học linh hoạt, cá nhân hóa, trong khi kỹ năng tự học là điều kiện để SV học tập hiệu quả trong mô hình này.

Về thực tiễn, khảo sát tại Khoa Ngôn ngữ Pháp cho thấy mô hình LHĐN đã giúp SV chủ động hơn trong việc tìm hiểu tài liệu, lập kế hoạch học và tham gia thảo luận nhóm. Hơn 90% SV thể hiện sự sẵn sàng áp dụng mô hình vào các học phần chuyên ngành. Tuy nhiên, một số thách thức vẫn tồn tại như hạn chế trong kỹ năng tự đánh giá, quản lý thời gian và điều kiện hạ tầng công nghệ.

Từ những kết quả đó, nghiên cứu đề xuất: cần tổ chức tập huấn kỹ năng học tập theo mô hình LHĐN cho GV và SV; đầu tư đồng bộ hệ thống học liệu số và công nghệ; và xây dựng học phần chuyên biệt về phát triển kỹ năng tự học. Ngoài ra, các nghiên cứu tương lai nên mở rộng phạm vi khảo sát và xem xét hiệu quả mô hình trong môi trường học trực tuyến hoặc kết hợp nhằm thích ứng với chuyển đổi số giáo dục. Như vậy, mô hình LHĐN là hướng đi phù hợp và khả thi để nâng cao năng lực tự học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học trong giáo dục đại học hiện nay.

Chú thích: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Phenikaa trong đề tài “Ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược nhằm rèn luyện kỹ năng tự học cho sinh viên tại Khoa Ngôn ngữ Pháp - Đại học Phenikaa” mã số PU2024-4-C-01.

Tài liệu tham khảo

- [1] Baker, W. (2000). *The Classroom Flip: Using Web Course Management Tools to Become the Guide by the Side*. In 11th International Conference on College Teaching and Learning (pp. 9-17). ISSN: 1544-0389.
- [2] Barbara W. E. & Anderson V. J. (1998). *Effective grading: A tool for learning and assessment*. San Francisco: Jossey-Bass.
- [3] Bộ môn Ngôn ngữ Pháp. (2023). *Báo cáo tổng kết chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Pháp năm học 2022-2023* (Tài liệu nội bộ). Trường Đại học Phenikaa.
- [4] Đỗ Tùng, Hoàng Công Kiên (2020). *Áp dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Hùng Vương*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hùng Vương, tập 19, số 02, tr. 37-45.
- [5] Hoàng Minh Hằng (2021). *Ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược vào giảng dạy hệ đào tạo từ xa ngành ngôn ngữ Trung Quốc*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, số 85 tháng 11, tr. 10-19.
- [6] Nguyễn Chính (2016). *Dạy học theo mô hình Flipped Classroom*. Báo Tia sáng, Bộ Khoa học và Công nghệ, ngày 4/4/2016.
- [7] Nguyễn Ngọc Tuấn, Trần Trung Ninh (2023). *Dạy học theo mô hình lớp học đảo ngược nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho sinh viên đại học*. Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 284 kỳ 01 tháng 3, tr. 21-23.
- [8] Phạm Thị Thu Huyền (2021). *Vận dụng mô hình Flipped classroom trong giảng dạy bậc đại học tại Việt Nam hiện nay*. Nguồn: <https://tapchicongthuong.vn/van-dung-mo-hinh-flipped-classroom-trong-giang-day-bac-dai-hoc-tai-viet-nam-hien-nay-79435.htm>, ngày 21/03/2021.
- [9] Phạm Thu Trang, Phạm Viết Ngọc (2022). *Áp dụng mô hình lớp học đảo ngược vào dạy học trực tuyến cho sinh viên Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên*. Tạp chí Giáo dục, tập 22, số 6, tr. 47-52.
- [10] Tiêu Thị Mỹ Hồng (2021). *Sử dụng mô hình “lớp học đảo ngược” trong dạy học các môn Lí luận chính trị cho sinh viên đại học ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số 494 kỳ 02 tháng 01, tr. 44-48.